

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Dần

2. Ông Nguyễn Mạnh Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D; Sinh năm: 1993

HKKT và địa chỉ hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Bị đơn: Anh Bùi Văn A; Sinh năm: 1992

HKKT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Đ, Cục C10, Bộ Công an.

Địa chỉ: Xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/3/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Bùi Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thêm vào đó, bản thân anh A là người ham chơi và sa vào con đường nghiện ngập ma túy. Hiện nay anh A đang chấp hành án tại trại giam Trại giam Đ (Xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng) về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Như Q, sinh ngày 16/10/2011 và Bùi Phúc T, sinh ngày 15/9/2017. Ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2023, anh Bùi Văn A trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện nay anh đang chấp hành án tại trại giam Trại giam Đ (Xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng) về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Như Q, sinh ngày 16/10/2011 và Bùi Phúc T, sinh ngày 15/9/2017. Do anh đang phải chấp hành án nên anh đồng ý giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Về tài sản: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn A đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Văn A; Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Như Q, sinh ngày 16/10/2011 và Bùi Phúc T, sinh ngày 15/9/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự,

nhưng anh A xin vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên Tòa án mở phiên họp vắng mặt anh A và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh A theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị D và anh A đề nghị không tiến hành hòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, anh A vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh A.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/01/2012 và không vi phạm các cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Việc này, cả hai bên đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Nay cả chị D và anh A đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn A được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Như Q, sinh ngày 16/10/2011 và Bùi Phúc T, sinh ngày 15/9/2017. Hiện nay, các cháu đều đang do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Bản thân cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác, hiện nay anh A đang phải chấp hành án phạt tù nên không thể trực tiếp nuôi con và anh cũng đồng ý giao cả 02 con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Q và cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

[7]. Về tài sản: Chị D và anh A không yêu cầu nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn A được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Như Q, sinh ngày 16/10/2011 và Bùi Phúc T, sinh ngày 15/9/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Anh A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị D đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2021/0007992, ngày 24/3/2023. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị D vắng mặt anh Bùi Văn A. Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc